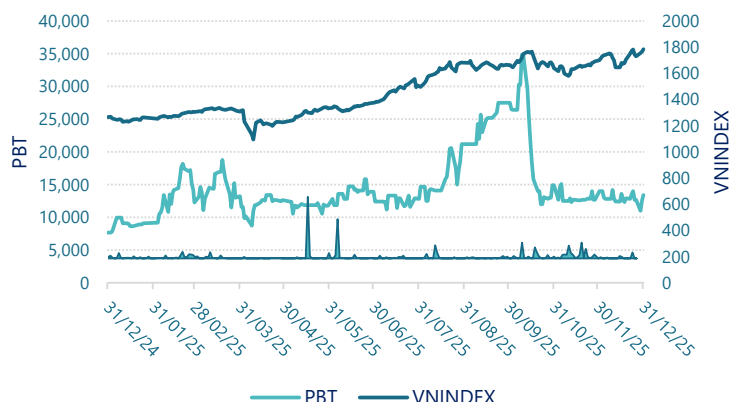


CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn (UPCOM: PBT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,661
SL cổ phiếu LH	17,522,284
KLGD BQ 20 phiên (CP)	790
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	11.8
EPS	1,138

DT thuần

Q4/25

399

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 40.0 | 11.1%

YoY: ▲ 160 | 66.9%

LN sau thuế

Q4/25

3.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.07 | -49.0%

YoY: ▼ 1.08 | -25.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.7%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2025

1,445

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 632 | 77.8%

LN sau thuế

2025

19.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70 | 9.8%

ROE

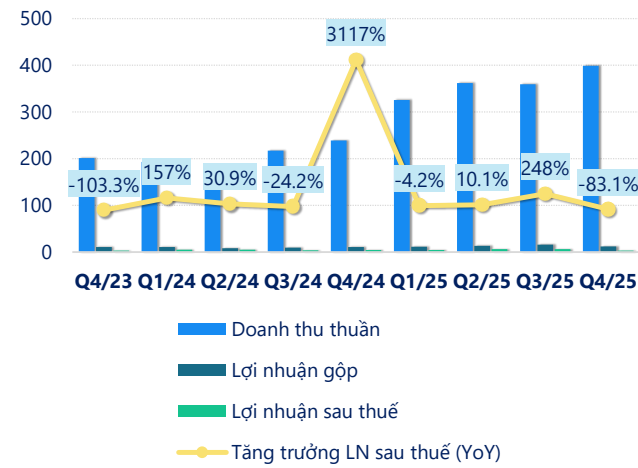
2025

10.4%

+/- YoY: ▲ 0.9%

tỷ VNĐ

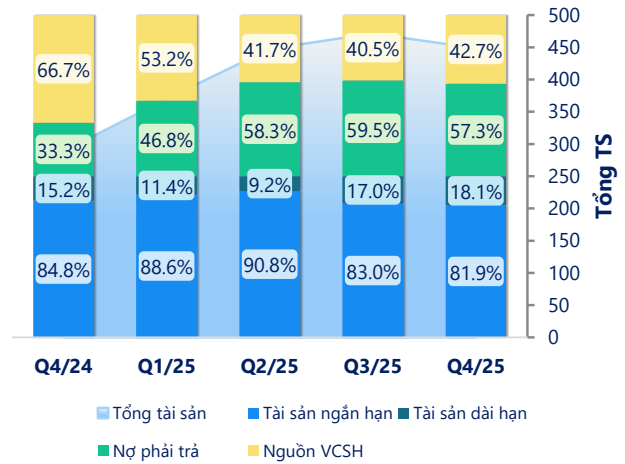
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

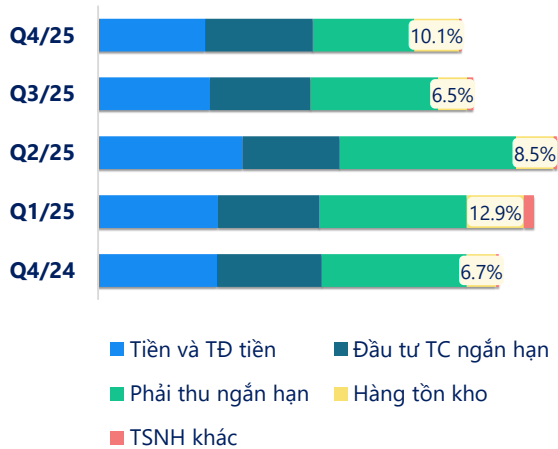
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



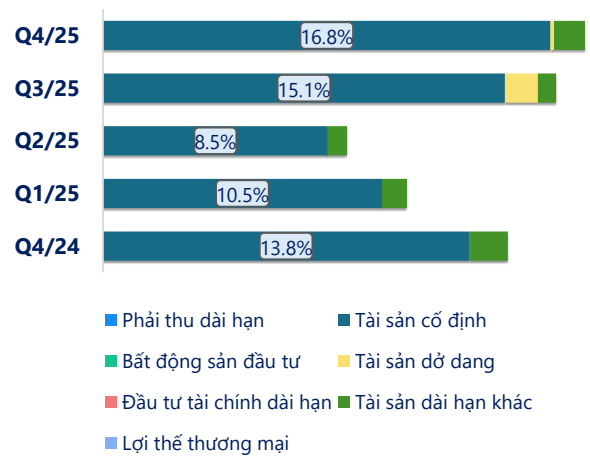
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

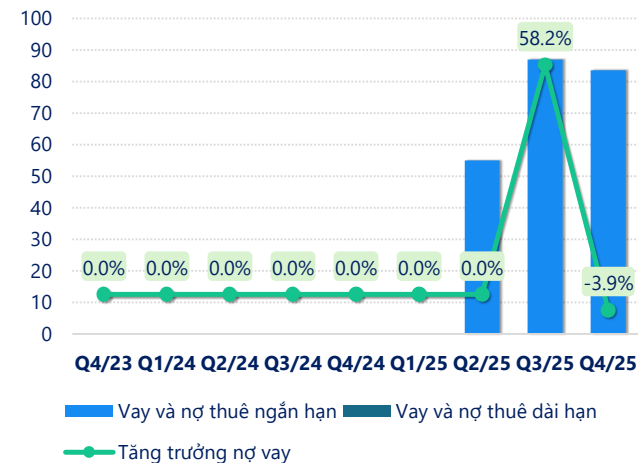
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

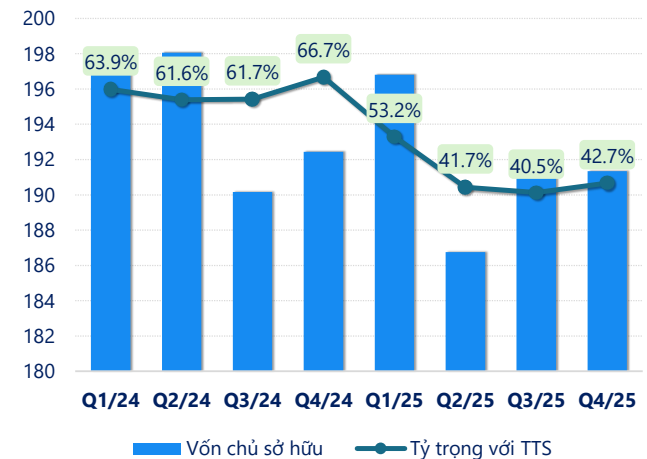
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

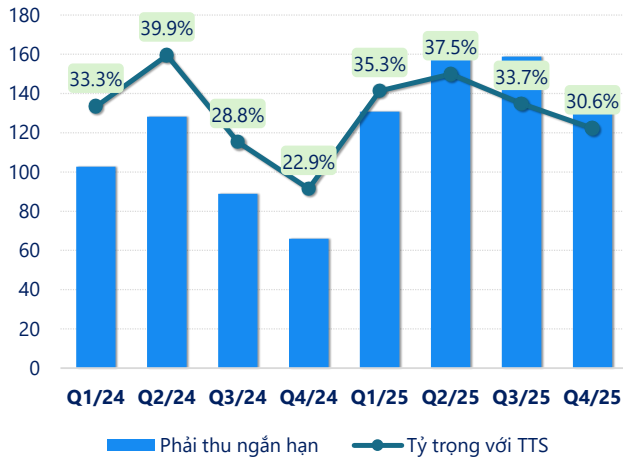
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



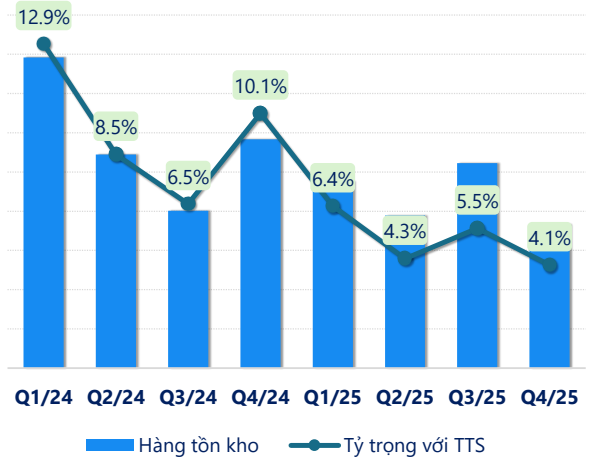
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


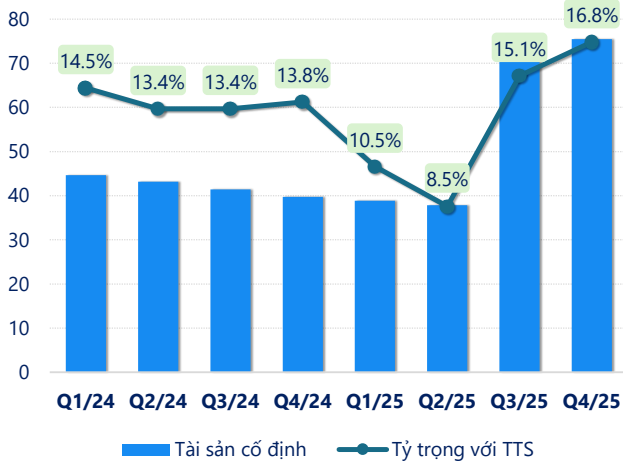
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


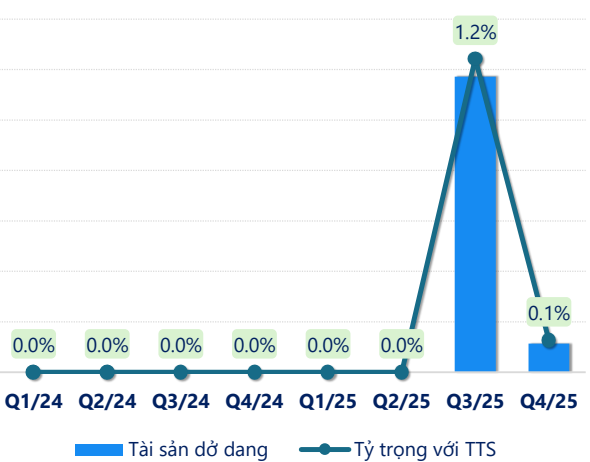
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

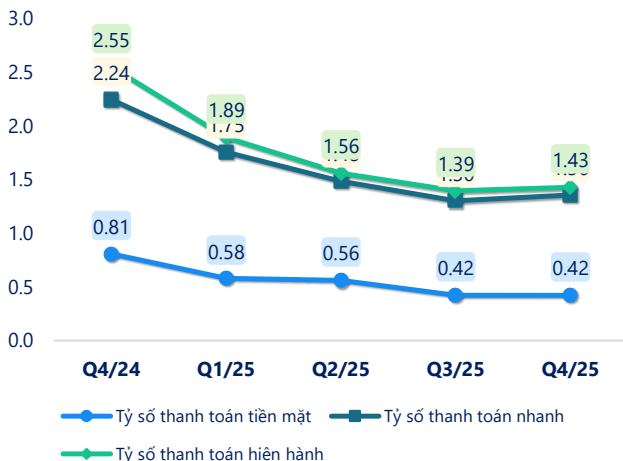
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

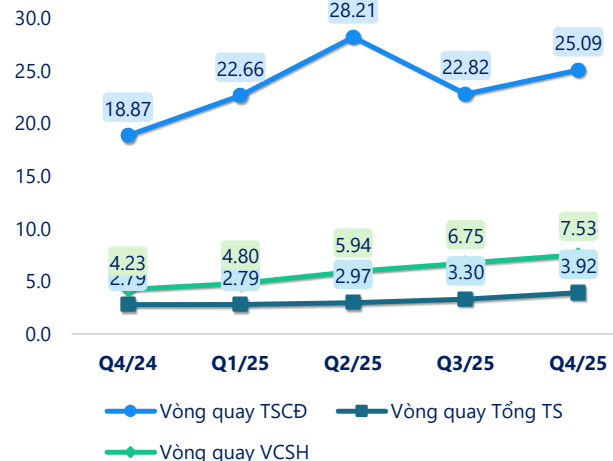
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	289	370	448	471	448
Tài sản ngắn hạn	245	328	407	391	367
Tiền và tương đương tiền	77.5	100	146	118	108
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.3	70.3	70.3	84.3	100
Phải thu ngắn hạn	66.0	131	168	159	137
Hàng tồn kho	29.2	23.8	19.4	26.1	18.3
Tài sản ngắn hạn khác	1.71	2.79	2.99	3.38	3.25
Tài sản dài hạn	43.9	42.3	41.1	80.3	81.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	39.7	38.8	37.9	71.3	75.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	5.86	0.57
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.19	3.50	3.26	3.23	5.25
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	96.1	173	261	280	257
Nợ ngắn hạn	96.0	173	261	280	257
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	55.0	87.0	83.6
Phải trả người bán ngắn hạn	84.7	156	169	160	153
Nợ dài hạn	0.07	0.07	0.07	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	192	197	187	191	191
Vốn chủ sở hữu	192	197	187	191	191
Vốn điều lệ	175	175	175	175	175
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)